TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09/7/2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Thu Hiền**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: **Ông Nguyễn Chung**
Bà Lê Thị Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Phương –** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* **Bà Đào Khánh Ly –** Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/HPT-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Trần Văn T,** sinh năm: 1984
Địa chỉ: Tổ 6, Ngọc H, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị Kim H,** sinh năm: 1993
Địa chỉ: Thôn CL, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2018 và lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Kim H kết hôn năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố N. Sau khi kết hôn ông bà sống chung tại phường N được một thời gian. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi với nhau, bà H hay giao lưu với những người lạ ngoài xã hội gây ra nợ nần làm ảnh hưởng đến cuộc sống kinh tế gia đình. Ông đã nhiều lần bỏ qua để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà H vẫn không thay đổi tính cách. Nay tình cảm ông dành cho bà H không còn, thực tế ông và bà H không còn sống chung từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay nên ông yêu cầu được ly hôn

với bà Nguyễn Thị Kim H. Về con chung, ông và bà H không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung ông T khai ông và bà H không có tài sản chung, nợ chung.

* Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H: Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã tiến hành thực hiện các thủ tục triệu tập, xác minh và niêm yết hợp lệ để lấy lời khai theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà H cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T nên Tòa án đưa vụ án ra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập, xác minh, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà cố tình trốn tránh không có mặt tại tòa để làm việc nhằm bảo vệ quyền lợi cho mình do đó tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H là đúng theo quy định của pháp luật.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã thực hiện việc thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn; Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Văn T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết tại địa phương và nơi cư trú, do đó Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với qui định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Kim H tự nguyện kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố N và đã được Ủy ban nhân dân phường cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01/2017 ngày 11/9/2017. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa ông T và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, do bà H thường xuyên giao du với bạn bè ngoài xã hội không chăm lo cho gia đình, thậm chí còn để xảy ra tình trạng nợ nần làm ảnh hưởng cuộc sống và kinh tế gia đình. Ông T đã nhiều lần bỏ qua để bà H thay đổi tính cách, vợ chồng đoàn tụ nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng làm rạn nứt tình cảm, việc quan tâm, chăm sóc lẫn nhau không còn, do đó mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, thực tế hai ông bà cũng không còn sống chung từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay. Vì vậy có duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn T đối với bà Nguyễn Thị Kim H.

[3] *Về con chung*: Ông Trần Văn T khai giữa ông và bà Nguyễn Thị Kim H không có con chung.

[4] *Về tài sản chung*: Ông Trần Văn T khai ông và bà Nguyễn Thị Kim H không có tài sản chung nên HĐXX không xét.

[5] *Về nợ chung*: Ông Trần Văn T khai ông và bà Nguyễn Thị Kim H không có nợ chung nên HĐXX không xét.

[6] *Về án phí*: Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trần Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H.

2. Về con chung: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Kim H không có con chung.

3. Về tài sản chung: Ông Trần Văn T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Trần Văn T khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Trần Văn T phải nộp 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tại biên lai số AA/2018/0006233 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Như vậy ông Trần Văn T đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Ông Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang (Giấy CNKH số 118, Quyển số 01/2017 ngày 11/9/2017);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền